

Số: /KH-UBND

Vĩnh Linh, ngày tháng năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn huyện Vĩnh Linh

Thực hiện Quyết định số 2912/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của UBND huyện Vĩnh Linh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Chương trình công tác trọng tâm năm 2024; UBND huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 với những nội dung chủ yếu như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều, nâng cao chất lượng cuộc sống góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng huyện nông thôn mới.

##### 2. Yêu cầu

Xác định giảm nghèo bền vững là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của phát triển kinh tế - xã hội, là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp, các ngành nhằm đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

#### II. MỤC TIÊU

##### 1. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ hộ nghèo theo tiếp cận đa chiều bình quân toàn huyện đến cuối năm 2024 giảm 0,2 - 0,4%.

- Các xã, thị trấn giữ vững tỷ lệ nghèo đa chiều theo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và đô thị văn minh.

##### 2. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được năm 2024

- Phân đầu 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin) và các chính sách giảm nghèo; từng bước cải thiện, nâng cao điều kiện sống, đảm bảo giảm nghèo bền vững.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được vay vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, ổn định sinh kế.

- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng trên 02 mô hình, dự án giảm nghèo phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Phân đầu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm ổn định.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo.
- Phân đầu nâng cao mức độ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo:
  - + 70% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm và được hỗ trợ kết nối việc làm thành công;
  - + 100% người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ Bảo hiểm y tế miễn phí;
  - + Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 100%;
  - + Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo qua đào tạo đạt 50%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 35%;
  - + 70% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 50% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh;
  - + 70% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet.

*(Phụ lục chi tiết Kế hoạch giảm hộ nghèo, cận nghèo gồm 04 bảng biểu kèm theo)*

### **III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

#### **1. Đối tượng**

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo).
- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**2. Phạm vi thực hiện:** Tại 18 xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

**3. Thời gian thực hiện:** Năm 2024.

### **IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN**

#### **1. Thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chung góp phần nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản**

Tiếp tục thực hiện các chính sách ưu tiên, hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo về tín dụng, giáo dục, y tế, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, các dịch vụ pháp lý; chính sách hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ tiền điện đối với hộ nghèo, cận nghèo.

#### **2. Triển khai thực hiện các Dự án/Tiểu dự án thuộc Chương trình**

##### **2.1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

- Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

- Nội dung thực hiện: Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo, hỗ trợ phát triển sản xuất. Tập huấn, chuyên giao khoa học kỹ thuật; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

- Phân công thực hiện: Phòng Lao động - TB&XH chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

## **2.2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**

### **a. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp**

- Mục tiêu: Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất; gắn với quy hoạch và đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

- Nội dung hỗ trợ: Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định. Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thị điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả

- Phân công thực hiện: Phòng NN&PTNT chủ trì phối hợp với các Phòng, ban, ngành liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

### **b. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng**

- Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Nội dung thực hiện: Hỗ trợ tiếp cận với can thiệp trực tiếp phòng chống, suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường.

- Phân công thực hiện: Phòng Y tế chủ trì phối hợp các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

## **2.3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

### **a. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng khó khăn**

- Mục tiêu: Phát triển GDNN cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo gắn kết chặt chẽ GDNN với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Nội dung hỗ trợ: Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm; đào tạo nghề cho người lao động...

- Phân công thực hiện: Phòng Lao động - TB&XH chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

### **b. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững**

- Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ giao dịch việc làm; quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác; thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; hỗ trợ kết nối việc làm...

- Phân công thực hiện: Phòng Lao động - TB&XH chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

#### **2.4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

##### *a. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin*

- Mục tiêu: Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin. Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở. Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo.

- Nội dung hỗ trợ: Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông. Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội.

- Phân công thực hiện: Phòng Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

##### *b. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều*

- Mục tiêu: Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, chuyên mục, phóng sự truyền thông về giảm nghèo bền vững, giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững; Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo; thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo; tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo; Các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo tại các cơ sở.

- Phân công thực hiện: Phòng Lao động-TB&XH chủ trì, phối hợp các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

#### **2.5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình**

##### *a. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình*

- Mục tiêu: Nâng cao năng lực, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho những người làm công tác giảm nghèo; đảm bảo đội ngũ đủ năng lực thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đối tượng và hiệu quả.

- Nội dung thực hiện: Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo và công tác trợ giúp pháp lý, công

tác xã hội, bình đẳng giới. Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm; hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

- Phân công thực hiện: Phòng Lao động - TB&XH chủ trì, phối hợp các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

*b. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá*

- Mục tiêu: Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

- Nội dung thực hiện: Xây dựng khung kết quả của Chương trình. Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hàng năm hoặc đột xuất. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu và quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

- Phân công thực hiện: Phòng Lao động-TB&XH chủ trì, phối hợp các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

## V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách: Trung ương, tỉnh và huyện.

- Huy động các nguồn hỗ trợ, giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn lực hợp pháp khác.

- Sự tham gia đóng góp ngày công lao động, vật tư, vốn... của các đơn vị, người dân và cộng đồng.

- Khai thác sử dụng có hiệu quả các tiềm năng thế mạnh từ các nguồn lực tự nhiên và nguồn lực kinh tế - xã hội của địa phương.

- Dự kiến kinh phí thực hiện các dự án/tiểu dự án: 12.561 triệu đồng

*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Nguồn vốn	Tổng vốn	Trong đó	
			Vốn ĐTPT	Vốn sự nghiệp
<b>Tổng cộng</b>		<b>12.561</b>	<b>2.500</b>	<b>10.061</b>
1	Ngân sách Trung ương	11.782	2.500	9.282
2	Ngân sách địa phương	349	0	349
3	Huy động khác	430	0	430

## VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Phòng Lao động - TB&XH

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan và các xã, thị trấn tham mưu cho UBND huyện, Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình theo quy định.

- Chủ trì và hướng dẫn, tổ chức thực hiện Dự án 2, Dự án 4, Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 và Dự án 7.

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp chung kết quả thực hiện Chương trình, dự án trên địa bàn huyện, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất về Sở Lao động - TB&XH và UBND huyện theo quy định.

- Tham mưu UBND huyện đánh giá kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo năm 2024.

## **2. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

Phối hợp với các cơ quan liên quan, tổng hợp, tham mưu trình UBND huyện phân bổ kinh phí, hướng dẫn quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định hiện hành.

## **3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Chủ trì và hướng dẫn, tổ chức thực hiện Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 3; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình (*qua Phòng Lao động - TB&XH*) để tổng hợp báo cáo UBND huyện.

## **4. Phòng Y tế**

Chủ trì và hướng dẫn, tổ chức thực hiện Tiêu dự án 2 thuộc Dự án 3; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp.

## **5. Phòng Văn hóa và Thông tin**

Trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiêu dự án 1 thuộc Dự án 6; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án, báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp.

## **6. Các phòng, ban, ngành, các đơn vị khác có liên quan**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp các phòng, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; xây dựng kế hoạch cụ thể tại đơn vị để tổ chức triển khai có hiệu quả công tác giảm nghèo.

- Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo chung cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp.

## **7. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn**

- Căn cứ Kế hoạch của UBND huyện và tình hình thực tế địa phương xây kế hoạch triển khai, thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2024.

- Phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban, tổ chức, cá nhân trong công tác triển khai thực hiện các chỉ tiêu, các chính sách, dự án, giải pháp giảm nghèo; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá.

- Thường xuyên rà soát, nắm bắt phân loại hộ nghèo, cận nghèo tại địa phương; chú trọng việc xác định nguyên nhân nghèo để xây dựng các giải pháp cụ thể để hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo.

- Vận động, huy động các nguồn lực, tiềm năng thế mạnh của địa phương, nguồn lực từ cộng đồng giúp đỡ người nghèo khắc phục khó khăn vươn lên thoát nghèo.

- Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo năm 2024 tại địa phương. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp.

## **8. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội huyện**

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và toàn dân hưởng ứng, tham gia các cuộc vận động thực hiện hiệu quả phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; lồng ghép các chương trình mục tiêu, hoạt động của đơn vị mình nhằm tạo sức mạnh tổng hợp cho kế hoạch giảm nghèo bền vững.

- Theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; các chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo bền vững.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện năm 2024; UBND huyện Vĩnh Linh yêu cầu các phòng, ban, cơ quan, đơn vị phối hợp tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả./.

***Nơi nhận:***

- Sở Lao động - TB&XH;
- TT Huyện ủy, HĐND, UBNDTTQVN huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, LĐTĐ-XH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thiên Tùng**

**PHỤ LỤC I**  
**KẾ HOẠCH CHỈ TIÊU GIẢM SỐ LƯỢNG, TỶ LỆ HỘ NGHÈO**  
**CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2024**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Vĩnh Linh)*

TT	Đơn vị	NĂM 2023			NĂM 2024		
		Tổng số hộ dân cuối năm (hộ)	Tổng số hộ nghèo cuối năm (hộ)	Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm (%)	Chỉ tiêu giảm số hộ nghèo năm (hộ)	Dự kiến tổng số hộ nghèo cuối năm (hộ)	Dự kiến tỷ lệ hộ nghèo cuối năm (%)
1	Thị trấn Hồ Xá	3.757	46	1,22	7	39	<b>1,04</b>
2	Thị trấn Cửa Tùng	2.619	47	1,79	12	35	<b>1,34</b>
3	Thị trấn Bến Quan	1.156	11	0,95	2	9	<b>0,74</b>
4	Xã Trung Nam	1.778	38	2,14	3	35	<b>1,97</b>
5	Xã Vĩnh Tú	960	20	2,08	1	19	<b>2,02</b>
6	Xã Vĩnh Thái	909	22	2,42	3	19	<b>2,06</b>
7	Xã Kim Thạch	1.728	39	2,26	2	37	<b>2,14</b>
8	Xã Hiền Thành	1.705	20	1,17	2	18	<b>1,06</b>
9	Xã Vĩnh Hòa	1.165	17	1,46	1	16	<b>1,37</b>
10	Xã Vĩnh Giang	1.419	33	2,33	4	29	<b>2,04</b>
11	Xã Vĩnh Lâm	1.567	17	1,08	1	16	<b>1,02</b>
12	Xã Vĩnh Sơn	2.094	33	1,58	4	29	<b>1,40</b>
13	Xã Vĩnh Thủy	1.941	16	0,82	2	14	<b>0,72</b>
14	Xã Vĩnh Long	1.783	39	2,19	4	35	<b>1,99</b>
15	Xã Vĩnh Chấp	1.401	36	2,57	4	32	<b>2,31</b>
16	Xã Vĩnh Ô	383	49	12,79	19	30	<b>7,83</b>
17	Xã Vĩnh Khê	326	17	5,21	2	15	<b>4,60</b>
18	Xã Vĩnh Hà	553	42	7,59	2	40	<b>7,23</b>
<b>Toàn huyện</b>		<b>27.244</b>	<b>542</b>	<b>1,99</b>	<b>74</b>	<b>468</b>	<b>1,72</b>



**PHỤ LỤC II**  
**KẾ HOẠCH CHỈ TIÊU GIẢM SỐ LƯỢNG, TỶ LỆ HỘ CẬN NGHÈO**  
**CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2024**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Vĩnh Linh)

TT	Đơn vị	NĂM 2023			NĂM 2024		
		Tổng số hộ dân cuối năm (hộ)	Tổng số hộ cận nghèo cuối năm (hộ)	Tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm (%)	Chỉ tiêu giảm số hộ cận nghèo năm (hộ)	Dự kiến hộ cận nghèo cuối năm (hộ)	Dự kiến tỷ lệ hộ cận nghèo cuối năm (%)
1	Thị trấn Hồ Xá	3.757	56	1,49	9	47	<b>1,26</b>
2	Thị trấn Cửa Tùng	2.619	102	3,89	35	67	<b>2,56</b>
3	Thị trấn Bến Quan	1.156	27	2,34	5	22	<b>1,90</b>
4	Xã Trung Nam	1.778	55	3,09	7	48	<b>2,70</b>
5	Xã Vĩnh Tú	960	21	2,19	3	18	<b>1,88</b>
6	Xã Vĩnh Thái	909	44	4,84	7	37	<b>4,11</b>
7	Xã Kim Thạch	1.728	32	1,85	6	26	<b>1,53</b>
8	Xã Hiền Thành	1.705	44	2,58	6	38	<b>2,23</b>
9	Xã Vĩnh Hòa	1.165	17	1,46	2	15	<b>1,29</b>
10	Xã Vĩnh Giang	1.419	0	0,00	0	0	<b>0,00</b>
11	Xã Vĩnh Lâm	1.567	36	2,30	8	28	<b>1,78</b>
12	Xã Vĩnh Sơn	2.094	57	2,72	5	52	<b>2,50</b>
13	Xã Vĩnh Thủy	1.941	52	2,68	9	43	<b>2,23</b>
14	Xã Vĩnh Long	1.783	49	2,75	7	42	<b>2,34</b>
15	Xã Vĩnh Cháp	1.401	32	2,28	5	27	<b>1,92</b>
16	Xã Vĩnh Ô	383	51	13,32	27	24	<b>6,27</b>
17	Xã Vĩnh Khê	326	10	3,07	2	8	<b>2,43</b>
18	Xã Vĩnh Hà	553	11	1,99	2	9	<b>1,57</b>
<b>Toàn huyện</b>		<b>27.244</b>	<b>696</b>	<b>2,55</b>	<b>143</b>	<b>553</b>	<b>2,03</b>

**PHỤ LỤC III**  
**KẾ HOẠCH CHỈ TIÊU GIẢM SỐ LƯỢNG HỘ NGHÈO CÁC HỘI ĐOÀN THỂ**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Vĩnh Linh)*

TT	Xã, thị trấn	Tổng số hộ nghèo cuối năm 2023	Số hộ nghèo thuộc hội đoàn thể				
			Hội Nông dân	Hội Phụ nữ	Đoàn Thanh niên	Hội Cựu chiến binh	Khác
1	Thị trấn Hồ Xá	46	6	27	0	5	8
2	Thị trấn Cửa Tùng	47	7	19	0	1	20
3	Thị trấn Bến Quan	11	2	9	0	0	0
4	Xã Trung Nam	38	3	8	0	3	24
5	Xã Vĩnh Tú	20	3	10	0	1	6
6	Xã Vĩnh Thái	22	2	7	1	0	12
7	Xã Kim Thạch	39	11	10	9	9	0
8	Xã Hiền Thành	20	5	8	0	2	5
9	Xã Vĩnh Hòa	17	2	7	1	1	6
10	Xã Vĩnh Giang	33	9	20	2	1	1
11	Xã Vĩnh Lâm	17	6	4	0	1	6
12	Xã Vĩnh Sơn	33	2	8	2	2	19
13	Xã Vĩnh Thủy	16	7	1	0	0	8
14	Xã Vĩnh Long	39	8	12	0	3	16
15	Xã Vĩnh Chấp	36	2	4	0	2	28
16	Xã Vĩnh Ô	49	23	10	10	6	0
17	Xã Vĩnh Khê	17	4	2	3	1	7
18	Xã Vĩnh Hà	42	13	3	4	4	18
	<b>Toàn huyện</b>	<b>542</b>	<b>115</b>	<b>169</b>	<b>32</b>	<b>42</b>	<b>184</b>

TT	Hội đoàn thể	Tổng số hộ nghèo cuối năm 2023	KH chỉ tiêu giảm số hộ nghèo năm 2024	Dự kiến tổng số hộ nghèo cuối năm 2024
1	Hội Nông dân	115	17	98
2	Hội Phụ nữ	169	25	144
3	Đoàn Thanh niên	32	5	27
4	Hội Cựu chiến binh	42	8	34
5	Hội khác	184	18	166
	<b>Toàn huyện</b>	<b>542</b>	<b>74</b>	<b>468</b>

**PHỤ LỤC IV**  
**KẾ HOẠCH CHỈ TIÊU GIẢM SỐ LƯỢNG HỘ CẬN NGHÈO CÁC HỘI ĐOÀN THỂ**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Vĩnh Linh)*

TT	Xã, thị trấn	Tổng số hộ cận nghèo cuối năm 2023	Số hộ cận nghèo thuộc hội đoàn thể				
			Hội Nông dân	Hội Phụ nữ	Đoàn Thanh niên	Hội Cựu chiến binh	Khác
1	Thị trấn Hồ Xá	56	12	23	0	8	13
2	Thị trấn Cửa Tùng	102	23	27	0	1	51
3	Thị trấn Bến Quan	27	8	19	0	0	0
4	Xã Trung Nam	55	8	10	0	5	32
5	Xã Vĩnh Tú	21	15	5	0	1	0
6	Xã Vĩnh Thái	44	14	9	2	12	7
7	Xã Kim Thạch	32	10	6	7	9	0
8	Xã Hiền Thành	44	14	17	0	0	13
9	Xã Vĩnh Hòa	17	3	6	1	0	7
10	Xã Vĩnh Giang	0	0	0	0	0	0
11	Xã Vĩnh Lâm	36	18	6	0	0	12
12	Xã Vĩnh Sơn	57	25	9	2	5	16
13	Xã Vĩnh Thủy	52	21	9	0	5	17
14	Xã Vĩnh Long	49	5	8	0	4	32
15	Xã Vĩnh Chấp	32	4	5	0	1	22
16	Xã Vĩnh Ô	51	35	6	5	5	0
17	Xã Vĩnh Khê	10	3	3	3	1	0
18	Xã Vĩnh Hà	11	11	0	0	0	0
	<b>Toàn huyện</b>	<b>696</b>	<b>229</b>	<b>168</b>	<b>20</b>	<b>57</b>	<b>222</b>

TT	Hội đoàn thể	Tổng số hộ cận nghèo cuối năm 2023	KH chỉ tiêu giảm số hộ cận nghèo năm 2024	Dự kiến tổng số hộ cận nghèo cuối năm 2024
1	Hội Nông dân	229	47	182
2	Hội LHPN	168	35	133
3	Đoàn Thanh niên	20	5	15
4	Hội Cựu chiến binh	57	12	45
5	Hội khác	222	44	178
	<b>Toàn huyện</b>	<b>696</b>	<b>143</b>	<b>553</b>

